TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ H VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **142/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2022
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ H VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Thành Chúng**

Bà **Dương Thị Thúy Duy**

- ***Thư ký phiên toà***: Ông **Ngô Quang Khải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Lâm Thị Thanh Thúy -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tống Văn H, sinh năm: 1980. Cư trú: Tổ 2, ấp Bắc đai, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Trúc N, sinh năm: 1980. Cư trú: Tổ 28, ấp Bắc đai, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông H nộp đơn xin ly hôn với bà N với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông, bà được hình thành là do tự tìm hiểu nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, thường xuyên gây cãi. Hai người ly thân nhau từ đó. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với bà N.

Về quan hệ con chung: Có hai chung, Tống Minh Tiến, sinh ngày 17/5/2012; Tống Thị Mai Trinh, sinh ngày 28/6/2008, hiện hai cháu đang sống chung với mẹ bà N, ông không yêu cầu nuôi con chung, để cháu sống với mẹ,

Bà N vắng mặt, không có trình bày ý kiến.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy hôn nhân giữa ông H và bà N có mâu thuẫn vợ chồng và không thể hàn gắn được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân giữa ông H và bà N là do tự tìm hiểu nhau trước, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp; bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú, nên yêu cầu xin ly hôn của ông H được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay ông H xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là do bất đồng quan điểm, thường hay gây nhau, bỏ mặc nhau, không quan tâm, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hiện tại ông H xác định là không còn tình cảm với bà N và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với bà N.

Trong thời gian dài hai người không quan tâm nhau, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông bà đã vi phạm H vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 “Vợ chồng có H vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, do đó Tòa án nhận thấy

cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, H vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Có hai chung, Tống Minh Tiến, sinh ngày 17/5/2012; Tống Thị Mai Trinh, sinh ngày 28/6/2008, hiện hai cháu đang sống chung với mẹ bà N, ông không yêu cầu nuôi con chung, để cháu sống với mẹ,

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các bên xác định không có.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên bà phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tống Văn H.

Về hôn nhân: Ông Tống Văn H được ly hôn với bà Lê Thị Trúc N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54, ngày 21/6/2006 của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao hai cháu Tống Minh Tiến, sinh ngày 17/5/2012; Tống Thị Mai Trinh, sinh ngày 28/6/2008, cho Lê Thị Trúc N nuôi dạy.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà N. Ngược lại, bà N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006705 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông H đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/04/2022) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Phong Phi